

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**  
**Năm học 2024-2025. Học kỳ 1**

Môn thi: **Cấu trúc và dữ liệu giải thuật**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Ngày thi: **25/05/2025** Giờ thi: **07:30** Phòng thi: **102.1-TA1** Mã phòng thi: 667

Tổng số thí sinh: 41 Có mặt:..... Vắng: ..... Có lý do: ..... Không lý do: .....

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	100	AT170402	Nguyễn Văn	Anh	AT17D				
2	101	AT190505	Nguyễn Việt	Anh	AT19E				Nợ lệ phí
3	102	AT190401	Vũ Tuấn	Anh	AT19D				
4	103	AT190506	Nông Thái	Bình	AT19E				
5	104	CT070207	Nguyễn Huy	Chính	CT7B				
6	105	AT170308	Lưu Nhật	Đan	AT17C				
7	106	AT190410	Phan Tiến	Đạt	AT19D				
8	107	CT040415	Đình Minh	Đức	CT4D				
9	108	AT190261	Phạm Bảo	Giang	AT19B				
10	109	CT070121	Đỗ Văn	Giáp	CT7A				Nợ lệ phí
11	110	AT190118	Đỗ Tiến	Hải	AT19A				
12	111	CT070125	Ngô Trung	Hiếu	CT7A				
13	112	AT141022	Đình Văn	Hoan	AT14D				
14	113	CT050421	Đỗ Việt	Hùng	CT5D				
15	114	AT190125	Nguyễn Quang	Hùng	AT19A				
16	115	AT180620	Nguyễn Văn	Hùng	AT18G				
17	116	CT070132	Đỗ Ngọc	Huy	CT7A				
18	117	CT070225	Lê Thành	Hưng	CT7B				Nợ lệ phí
19	118	AT190425	Nguyễn Thị	Hương	AT19D				
20	119	CT070133	Quách Văn	Khải	CT7A				
21	120	AT190428	Hoàng Lê Việt	Khánh	AT19D				
22	121	CT070134	Lê Đông Ngọc	Khánh	CT7A				
23	122	AT190328	Hoàng Văn	Khỏe	AT19C				
24	123	AT190530	Trương Ngọc	Lâm	AT19E				
25	124	CT070328	Nguyễn Hoàng	Long	CT7C				
26	125	CT070229	Đỗ Đại	Lộc	CT7B				
27	126	CT070140	Mai Xuân	Ngọc	CT7A				
28	127	AT190440	Vi Đức	Phương	AT19D				
29	128	CT070151	Ngô Tuấn	Tài	CT7A				
30	129	CT070152	Lê Hoàng	Tân	CT7A				
31	130	CT060437	Nguyễn Hồng	Thành	CT6D				
32	131	AT190448	Nguyễn Việt	Thành	AT19D				
33	132	CT060435	Vũ Tiến	Thăng	CT6D				
34	133	CT070154	Vũ Hạm	Thiều	CT7A				
35	134	AT190451	Cao Mỹ	Trâm	AT19D				
36	135	AT190153	Hoàng Anh	Tú	AT19A				Nợ lệ phí
37	136	CT070258	Phạm Bá	Tú	CT7B				
38	137	CT070259	Nguyễn Trọng	Tuấn	CT7B				

39	138	AT190254	Vũ Anh	Tuấn	AT19B				
40	139	AT190558	Nguyễn Vũ Thành	Việt	AT19E				
41	140	AT190459	Nguyễn Văn	Vinh	AT19D				

Tổng số bài thi: .....

Tổng số tờ giấy thi: .....

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20....*

**CBCT thứ nhất**

**CBCT thứ hai**

**Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**  
**Năm học 2024-2025. Học kỳ 1**

Môn thi: **Cấu trúc và dữ liệu giải thuật**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Ngày thi: **25/05/2025** Giờ thi: **07:30** Phòng thi: **201-TA1** Mã phòng thi: 668

Tổng số thí sinh: 30 Có mặt:..... Vắng: ..... Có lý do: ..... Không lý do: .....

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	141	AT190304	Hoàng Trọng Tài	Anh	AT19C				
2	142	AT190402	Nguyễn Đức	Anh	AT19D				
3	143	CT070204	Nguyễn Hoàng	Anh	CT7B				
4	144	AT190502	Trương Kỳ	Anh	AT19E				
5	145	AT190106	Trần Xuân	Bách	AT19A				
6	146	AT190408	Hoàng Bá	Công	AT19D				
7	147	AT160311	Nguyễn Danh	Dương	AT16C				
8	148	AT190113	Nguyễn Giản Anh	Đức	AT19A				
9	149	AT150412	Trịnh Đình	Đức	AT15D				Nợ lệ phí
10	150	AT190216	Đậu Hương	Giang	AT19B				
11	151	AT180219	Nguyễn Minh	Hiếu	AT18B				
12	152	AT180417	Nguyễn Xuân	Hiếu	AT18D				
13	153	CT070130	Nguyễn Quốc	Hung	CT7A				
14	154	CT070231	Nguyễn Chí	Minh	CT7B				
15	155	AT170335	Tô Thành	Nam	AT17C				Nợ lệ phí
16	156	AT190234	Lô Hoàng	Nam	AT19B				
17	157	AT190335	Nguyễn Huy	Nam	AT19C				
18	158	AT180335	Nguyễn Lương	Nghĩa	AT18C				
19	159	AT190540	Nguyễn Hồng	Phong	AT19E				
20	160	AT190442	Nguyễn Hồng	Quân	AT19D				
21	161	AT170242	Đỗ Danh	Quyền	AT17B				Nợ lệ phí
22	162	AT170542	Nguyễn Kim	Quyết	AT17E				
23	163	AT190246	Nguyễn Chiến	Thắng	AT19B				
24	164	CT070250	Nguyễn Ngọc Việt	Thắng	CT7B				
25	165	CT060440	Nguyễn Văn	Tình	CT6D				
26	166	AT180346	Khúc Xuân	Trọng	AT18C				
27	167	AT190251	Hoàng Lý Đức	Trường	AT19B				
28	168	AT190357	Phan Văn	Tùng	AT19C				
29	169	AT190156	Đỗ Hữu	Tuyền	AT19A				Nợ lệ phí
30	170	CT070360	Nguyễn Bá	Việt	CT7C				Nợ lệ phí

Tổng số bài thi: .....

Tổng số tờ giấy thi: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20....

**CBCT thứ nhất**

**CBCT thứ hai**

**Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**  
**Năm học 2024-2025. Học kỳ 1**

Môn thi: **Cấu trúc và dữ liệu giải thuật**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Ngày thi: **25/05/2025** Giờ thi: **07:30** Phòng thi: **202.1-TA1** Mã phòng thi: 669

Tổng số thí sinh: 41 Có mặt:..... Vắng: ..... Có lý do: ..... Không lý do: .....

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	171	CT070104	Đoàn Hoàng	Anh	CT7A				
2	172	AT190202	Ngô Tuấn	Anh	AT19B				
3	173	AT190303	Nguyễn Tiên	Anh	AT19C				
4	174	AT150506	Ngô Thành	Công	AT15E				
5	175	AT180212	Lê Ngọc	Dung	AT18B				
6	176	CT070311	Phạm Tiến	Dũng	CT7C				
7	177	AT190315	Bùi Văn	Dương	AT19C				Nợ lệ phí
8	178	AT190209	Bùi Thành	Đạt	AT19B				
9	179	CT070112	Nguyễn Tiên	Đạt	CT7A				
10	180	AT180110	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	AT18A				
11	181	AT190312	Đặng Hoàng	Đức	AT19C				
12	182	AT190417	Đỗ Hoàng	Giáp	AT19D				
13	183	AT160123	Kim Tuấn	Hải	AT16A				
14	184	AT190120	Trần Trung	Hậu	AT19A				
15	185	AT190320	Nguyễn Thị	Hiệp	AT19C				
16	186	AT150416	Nguyễn Trung	Hiếu	AT15D				Nợ lệ phí
17	187	AT190527	Trần Quang	Huy	AT19E				
18	188	AT190325	Đào Ngọc	Hung	AT19C				
19	189	CT060414	Lệnh Quang	Hung	CT6D				
20	190	AT190427	Nguyễn Hữu	Khang	AT19D				
21	191	AT170229	Nguyễn Nam	Khánh	AT17B				Nợ lệ phí
22	192	AT190130	Phan Hải	Long	AT19A				
23	193	CT070230	Lê Văn	Lợi	CT7B				
24	194	AT190432	Hoàng Đức	Mạnh	AT19D				Nợ lệ phí
25	195	AT190433	Nguyễn Hùng	Mạnh	AT19D				
26	196	AT190332	Nguyễn Quý	Mạnh	AT19C				
27	197	AT190333	Nguyễn Văn	Mạnh	AT19C				
28	198	CT050137	Nguyễn Văn	Ngọc	CT5A				Nợ lệ phí
29	199	AT190337	Nguyễn Thành	Ngọc	AT19C				
30	200	CT070142	Nguyễn Chung	Nguyễn	CT7A				
31	201	AT190437	Trần Minh	Nhật	AT19D				
32	202	AT190139	Lương Thị Hồng	Nhung	AT19A				
33	203	CT070341	Mai Hà	Quân	CT7C				
34	204	AT190146	Trần Đức	Tài	AT19A				

35	205	AT160643	Tạ Thành	Thái	AT16G				
36	206	AT190551	Nguyễn Văn	Toàn	AT19E				
37	207	AT190552	Lại Văn	Trà	AT19E				
38	208	AT190257	Phạm Long	Việt	AT19B				
39	209	CT070361	Nguyễn Trung	Vĩnh	CT7C				
40	210	AT190258	Nguyễn Tuấn	Vũ	AT19B				
41	211	AT190158	Phan Văn Hoàng	Việt	AT19A				Nợ lệ phí

Tổng số bài thi: .....

Tổng số tờ giấy thi: .....

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20....*

**CBCT thứ nhất**

**CBCT thứ hai**

**Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**  
**Năm học 2024-2025. Học kỳ 1**

Môn thi: **Giải tích 1**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Ngày thi: **25/05/2025** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **102.1-TA1** Mã phòng thi: 670

Tổng số thí sinh: 57 Có mặt:..... Vắng: ..... Có lý do: ..... Không lý do: .....

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	100	AT210101	Nguyễn Đức	An	AT21A				
2	101	AT210202	Hà Ngọc	Anh	AT21B				
3	102	AT210204	Trần Hoàng	Anh	AT21B				
4	103	AT190307	Hoàng Quốc	Bảo	AT19C				
5	104	AT210207	Lục Tuấn	Bảo	AT21B				
6	105	DT080305	Hoàng Mạnh	Chiến	DT8C				
7	106	AT210106	Nguyễn Trung	Chiến	AT21A				
8	107	DT080306	Đình Đức	Chính	DT8C				
9	108	CT090207	Vũ Đức	Chính	CT9B				
10	109	CT030306	Vũ Trọng	Chính	CT3C				
11	110	DT080214	Mai Trí	Dũng	DT8B				
12	111	AT190316	Lê Đức	Duy	AT19C				
13	112	AT210217	Nguyễn Nhật	Duy	AT21B				
14	113	AT210117	Võ Văn	Duy	AT21A				
15	114	DT080210	Bùi Tiến	Đạt	DT8B				
16	115	CT090210	Đặng Lê Quang	Đạt	CT9B				
17	116	DT080109	Phạm Văn	Đạt	DT8A				
18	117	CT090211	Trần Tiến	Đạt	CT9B				
19	118	AT210210	Nguyễn Hải	Đặng	AT21B				
20	119	AT210312	Nguyễn Minh	Đức	AT21C				
21	120	DT080319	Chu Minh	Hào	DT8C				
22	121	AT210220	Bùi Thu	Hằng	AT21B				
23	122	DT030116	Phạm Thị	Hằng	DT3A				Nợ lệ phí
24	123	AT210420	Trần Hoàng	Hiệp	AT21D				
25	124	DT080321	Hà Quang	Hiếu	DT8C				
26	125	AT210322	Nguyễn Việt	Hiếu	AT21C				
27	126	AT210121	Phạm Minh	Hiếu	AT21A				
28	127	AT210122	Lâm Ngọc	Hoàng	AT21A				
29	128	DT060225	Nguyễn Quang	Huy	DT6B				
30	129	AT210225	Nguyễn Quang	Huy	AT21B				
31	130	AT210527	Đặng Thế	Khánh	AT21E				
32	131	AT210427	Nông Quốc	Khánh	AT21D				
33	132	AT210330	Phạm Hữu	Khiêm	AT21C				
34	133	CT090227	Nguyễn Văn	Kiên	CT9B				
35	134	CT090228	Nguyễn Vũ	Kỳ	CT9B				
36	135	AT210534	Nguyễn Việt Bảo	Lương	AT21E				Nợ lệ phí
37	136	CT090329	Bùi Duy	Mạnh	CT9C				
38	137	DT080230	Nguyễn Duy	Mạnh	DT8B				
39	138	AT210135	Thái Duy	Minh	AT21A				Nợ lệ phí
40	139	DT080234	Ngô Sỹ	Nguyên	DT8B				
41	140	AT210340	Cao Văn	Nhân	AT21C				

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
42	141	AT210139	Đàm Văn	Phú	AT21A				
43	142	DT080333	Lê Đình	Phúc	DT8C				
44	143	DT070136	Đông Minh	Quyền	DT7A				
45	144	AT210245	Nguyễn Hồng	Son	AT21B				
46	145	DT080341	Đỗ Duy	Thái	DT8C				
47	146	AT210446	Quách An	Thái	AT21D				
48	147	DT080242	Hoàng Thị Phương	Thanh	DT8B				
49	148	DT060145	Bùi Trịnh Tất	Thành	DT6A				
50	149	CT050146	Vũ Việt	Tiến	CT5A				
51	150	CT090246	Lê Thành	Trung	CT9B				
52	151	CT090343	Tiêu Quang	Trung	CT9C				
53	152	CT090346	Hoàng Mạnh	Tuấn	CT9C				
54	153	AT210556	Phạm Phú	Vinh	AT21E				
55	154	DT080152	Hoàng Anh	Vũ	DT8A				
56	155	AT210457	Đặng Việt	Vương	AT21D				Nợ lệ phí
57	156	AT210557	Hoàng Minh	Vương	AT21E				

Tổng số bài thi: .....

Tổng số tờ giấy thi: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20....

**CBCT thứ nhất**

**CBCT thứ hai**

**Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**  
**Năm học 2024-2025. Học kỳ 1**

Môn thi: **Giải tích 1**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Ngày thi: **25/05/2025** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **201-TA1** Mã phòng thi: 671

Tổng số thí sinh: 32 Có mặt:..... Vắng: ..... Có lý do: ..... Không lý do: .....

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	157	AT210405	Lê Đức	Anh	AT21D				Nợ lệ phí
2	158	AT210504	Lê Đức	Anh	AT21E				
3	159	DT080301	Vũ Quốc	Anh	DT8C				
4	160	CT090206	Trần Ngọc	Chiêu	CT9B				
5	161	DT080312	Ngô Hoàng	Doanh	DT8C				Nợ lệ phí
6	162	CT040408	Bùi Lê	Dũng	CT4D				Nợ lệ phí
7	163	AT210214	Nguyễn Việt	Dũng	AT21B				
8	164	AT210116	Nguyễn Nhật	Duy	AT21A				
9	165	DT080310	Trịnh Phát	Đạt	DT8C				
10	166	CT090310	Trần Hải	Đặng	CT9C				
11	167	DT080314	Ngô Minh	Đức	DT8C				
12	168	AT210111	Nguyễn Tất	Đức	AT21A				
13	169	AT210418	Nguyễn Công	Giang	AT21D				
14	170	AT210518	Nguyễn Mạnh	Hà	AT21E				
15	171	AT210521	Lê Việt	Hoàng	AT21E				
16	172	AT210223	Nguyễn Việt	Hùng	AT21B				
17	173	CT090221	Kim Gia	Huy	CT9B				
18	174	AT210228	Bùi Quang	Khánh	AT21B				
19	175	DT070125	Nguyễn Duy	Khánh	DT7A				
20	176	AT210128	Nguyễn Nam	Khánh	AT21A				Nợ lệ phí
21	177	DT080326	Trần Quang	Kiên	DT8C				
22	178	AT210231	Mai Bảo	Lâm	AT21B				
23	179	AT210432	Bùi Quang	Linh	AT21D				
24	180	AT170637	Nguyễn Long	Nhật	AT17G				
25	181	DT080339	Nguyễn Công Thiện	Tâm	DT8C				
26	182	CT090339	Bùi Đức	Thành	CT9C				
27	183	AT210546	Bùi Gia	Thăng	AT21E				Nợ lệ phí
28	184	AT210151	Hoàng Minh	Tú	AT21A				
29	185	DT080250	Đặng Ngọc	Tuyền	DT8B				
30	186	DT080350	Hoàng Công	Tuyền	DT8C				
31	187	AT210255	Nguyễn Trí	Vĩ	AT21B				
32	188	DT080351	Nguyễn Trường	Vũ	DT8C				Nợ lệ phí

Tổng số bài thi: .....

Tổng số tờ giấy thi: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20....

CBCT thứ nhất

CBCT thứ hai

Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**  
**Năm học 2024-2025. Học kỳ 1**

Môn thi: **Giải tích 1**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Ngày thi: **25/05/2025** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **202.1-TA1** Mã phòng thi: 672

Tổng số thí sinh: 54 Có mặt:..... Vắng: ..... Có lý do: ..... Không lý do: .....

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	189	CT090202	Trịnh Quang	An	CT9B				
2	190	AT210104	Đàm Duy	Anh	AT21A				
3	191	DT080202	Phạm Thị Nguyệt	Anh	DT8B				
4	192	AT210509	Đoàn Kim Ngọc	Diệp	AT21E				
5	193	AT210114	Dương Mạnh	Dũng	AT21A				
6	194	AT210314	Lê Tiên	Dũng	AT21C				
7	195	CT090314	Ngô Văn	Dũng	CT9C				
8	196	CT090215	Nguyễn Xuân	Dương	CT9B				
9	197	DT060212	Phan Thùy	Dương	DT6B				
10	198	AT210310	Nguyễn Việt	Đạt	AT21C				
11	199	CT090209	Triệu Hải	Đăng	CT9B				
12	200	DT060108	Đỗ Duy Hồng	Đức	DT6A				
13	201	AT210511	Lê Minh	Đức	AT21E				
14	202	CT090213	Nguyễn Đình	Đức	CT9B				
15	203	AT210118	Phạm Việt	Hà	AT21A				
16	204	CT050414	Vũ Ngọc	Hải	CT5D				
17	205	AT210119	Nguyễn Ngọc	Hải	AT21A				
18	206	AT210319	Ma Văn	Hào	AT21C				
19	207	AT210321	Bùi Minh	Hiếu	AT21C				
20	208	AT180219	Nguyễn Minh	Hiếu	AT18B				
21	209	AT210224	Nguyễn Tuấn	Hùng	AT21B				
22	210	AT210125	Đỗ Hữu	Huy	AT21A				
23	211	AT210425	Lê Hoàng	Huy	AT21D				
24	212	CT090122	Nguyễn Đình Quang	Huy	CT9A				
25	213	CT090322	Nguyễn Đức	Huy	CT9C				
26	214	CT090224	Nguyễn Văn	Huy	CT9B				
27	215	AT210524	Lê Duy	Hưởng	AT21E				
28	216	DT080224	Trương Văn	Hưởng	DT8B				
29	217	CT090226	Dương Duy	Khánh	CT9B				
30	218	AT210428	Lê Nam	Khánh	AT21D				
31	219	AT210127	Nguyễn Duy	Khánh	AT21A				
32	220	AT210532	Nguyễn Thùy	Linh	AT21E				
33	221	DT080132	Trần Hiền	Long	DT8A				
34	222	AT210535	Cao Tiên	Minh	AT21E				
35	223	AT210137	Trần Kim	Ngân	AT21A				
36	224	DT080233	Bùi Bích	Ngọc	DT8B				
37	225	CT090332	Đỗ Đức	Nguyễn	CT9C				
38	226	AT210339	Bùi Thanh	Nhàn	AT21C				
39	227	AT210140	Trịnh Hữu	Phú	AT21A				
40	228	AT210241	Nguyễn Hồng	Phúc	AT21B				
41	229	CT090235	Nguyễn Trọng	Phúc	CT9B				
42	230	DT080335	Nguyễn Đức Việt	Quang	DT8C				

43	231	AT210243	Tùng Nhật	Quyền	AT21B				
44	232	DT080338	Trần Văn	Sỹ	DT8C				
45	233	DT070140	Nguyễn Văn	Tài	DT7A				Nợ lệ phí
46	234	DT080244	Phạm Xuân	Thành	DT8B				
47	235	AT210545	Nguyễn Phú	Thăng	AT21E				
48	236	CT090342	Vũ Phạm Ngọc	Tiền	CT9C				
49	237	DT080245	Nguyễn Hữu	Tiến	DT8B				
50	238	AT210354	Phạm Ngọc	Tuấn	AT21C				
51	239	AT210153	Tô Cảnh	Tùng	AT21A				
52	240	AT210555	Cao Quang	Vinh	AT21E				
53	241	AT210256	Phạm Anh	Vũ	AT21B				
54	242	DT080252	Vi Minh	Vũ	DT8B				
55	243	CT090222	Trần Quốc	Huy	CT9B				

Tổng số bài thi: .....

Tổng số tờ giấy thi: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20....

**CBCT thứ nhất**

**CBCT thứ hai**

**Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**

Năm học 2024-2025. Học kỳ 1

Môn thi: **Hệ thống viễn thông, Nguyên lý hệ điều hành**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Ngày thi: **25/05/2025** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **201-TA1** Mã phòng thi: 673

Tổng số thí sinh: 33 Có mặt:..... Vắng: ..... Có lý do: ..... Không lý do: .....

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	100	DT050207	Đặng Ngọc	Dũng	DT5B				
2	101	DT050111	Nguyễn Đức	Duy	DT5A				
3	102	DT050208	Tổng Nguyên Thái	Dương	DT5B				
4	103	DT050109	Trần Trọng Ánh	Dương	DT5A				
5	104	DT050120	Trần Việt	Linh	DT5A				
6	105	DT050220	Trần Văn	Mạnh	DT5B				
7	106	DT040137	Lê Đăng	Minh	DT4A				
8	107	DT050224	Mai Hữu	Phong	DT5B				
9	108	DT050229	Kiều Văn	Quý	DT5B				
10	109	DT050131	Phạm Duy	Tiên	DT5A				
11	110	DT050132	Lê Hoài Khánh	Trình	DT5A				
12	111	DT040251	Đình Tân	Trương	DT4B				
13	112	DT040155	Bùi Duy	Tú	DT4A				
14	113	DT050233	Nguyễn Hải	Tú	DT5B				
15	114	DT050134	Nguyễn Anh	Tuấn	DT5A				
16	115	DT040154	Nguyễn Văn	Tùng	DT4A				
17	116	DT050135	Nguyễn Nho Quang	Tùng	DT5A				
18	117	DT050236	Phạm Ngọc	Tuyên	DT5B				
19	118	DT050137	Ngô Thành	Vinh	DT5A				

Tổng số bài thi: .....

Tổng số tờ giấy thi: .....

Môn thi: **Nguyên lý hệ điều hành**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Trắc nghiệm

Thời gian làm bài: 90 (phút)

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	150	CT070104	Đoàn Hoàng	Anh	CT7A				
2	151	CT070302	Lê Văn	Anh	CT7C				
3	152	CT070209	Hoàng Quốc	Đạt	CT7B				
4	153	CT070121	Đỗ Văn	Giáp	CT7A				Nợ lệ phí
5	154	AT160123	Kim Tuấn	Hải	AT16A				
6	155	AT190420	Bùi Minh	Hiếu	AT19D				Nợ lệ phí
7	156	AT190429	Phan Thanh	Lâm	AT19D				Nợ lệ phí
8	157	CT060221	Lưu Hoàng	Linh	CT6B				
9	158	AT190435	Tào Hữu	Nam	AT19D				Nợ lệ phí
10	159	AT190137	Nguyễn Ngọc	Nhật	AT19A				Nợ lệ phí
11	160	AT190140	Phạm Hữu	Phước	AT19A				
12	161	AT190245	Vũ Hồng	Son	AT19B				
13	162	AT190448	Nguyễn Việt	Thành	AT19D				
14	163	AT190158	Phan Văn Hoàng	Việt	AT19A				Nợ lệ phí

Tổng số bài thi: .....

Tổng số tờ giấy thi: .....

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20....*

**CBCT thứ nhất**

**CBCT thứ hai**

**Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT**

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI  
Năm học 2024-2025. Học kỳ 1

Môn thi: An toàn mạng không dây và di động

Lần thi: 2

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Ngày thi: 25/05/2025 Giờ thi: 13:30 Phòng thi: 102.1-TA1 Mã phòng thi: 674

Tổng số thí sinh: 47 Có mặt:..... Vắng: ..... Có lý do: ..... Không lý do: .....

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	200	AT180201	Bùi Việt	An	AT18B				
2	201	AT180401	Nguyễn Văn	An	AT18D				
3	202	AT180402	Nguyễn Thị Phương	Anh	AT18D				Nợ lệ phí
4	203	AT180302	Phan Ngọc	Anh	AT18C				
5	204	AT180106	Nguyễn Phương	Bắc	AT18A				
6	205	AT180607	Phạm Bá	Cường	AT18G				
7	206	AT180209	Nguyễn Công	Danh	AT18B				
8	207	AT180410	Cao Trung	Du	AT18D				
9	208	AT180212	Lê Ngọc	Dung	AT18B				
10	209	AT180312	Vũ Quang	Dũng	AT18C				
11	210	AT180614	Bùi Nhật	Duyệt	AT18G				
12	211	AT180513	Nguyễn Hoàng	Dương	AT18E				
13	212	AT180612	Nguyễn Thái	Dương	AT18G				
14	213	AT180214	Văn Thị Thùy	Dương	AT18B				
15	214	AT170209	Nguyễn Tiến	Đạt	AT17B				
16	215	AT180309	Nguyễn Tiến	Đạt	AT18C				Nợ lệ phí
17	216	AT180110	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	AT18A				
18	217	AT180415	Phạm Đình	Giang	AT18D				
19	218	AT160222	Nguyễn Minh	Hiền	AT16B				Nợ lệ phí
20	219	AT180316	Lê Duy	Hiền	AT18C				
21	220	AT180318	Nông Việt	Hoàng	AT18C				
22	221	AT180319	Trần Thị Thu	Huệ	AT18C				
23	222	AT180320	Hoàng Trọng	Hùng	AT18C				
24	223	AT180422	Nguyễn Quang	Huy	AT18D				
25	224	AT180623	Trần Thanh	Huyền	AT18G				
26	225	AT180321	Nguyễn Bảo Phúc	Hung	AT18C				
27	226	AT180128	Nguyễn Trung	Kiên	AT18A				
28	227	AT180626	Phù Trung	Kiên	AT18G				
29	228	AT180527	Đỗ Hoàng	Kỳ	AT18E				Nợ lệ phí
30	229	AT180528	Nguyễn Văn	Linh	AT18E				
31	230	AT180531	Nguyễn Đức	Lương	AT18E				
32	231	AT180630	Phạm Đức	Lương	AT18G				
33	232	AT180235	Lưu Thành	Minh	AT18B				
34	233	AT180433	Nguyễn Tấn	Minh	AT18D				
35	234	AT180436	Nguyễn Bảo	Ngọc	AT18D				
36	235	AT180538	Trần Xuân	Phương	AT18E				
37	236	AT180540	Đình Thanh	Quý	AT18E				
38	237	AT180343	Phạm Vũ	Thái	AT18C				
39	238	AT180144	Nguyễn Văn	Thành	AT18A				

40	239	AT180542	Phạm Quang	Thắng	AT18E				
41	240	AT180245	Lê Khánh	Thiện	AT18B				
42	241	AT180445	Nguyễn Đức	Thụy	AT18D				Nợ lệ phí
43	242	AT180447	Bùi Đức	Trung	AT18D				
44	243	AT150262	Hoàng Minh	Tuấn	AT15B				Nợ lệ phí
45	244	AT180550	Lưu Quốc	Việt	AT18E				
46	245	AT160159	Nguyễn Hoàng	Việt	AT16A				
47	246	AT180151	Nguyễn Duy	Vượng	AT18A				

Tổng số bài thi: .....

Tổng số tờ giấy thi: .....

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20....

**CBCT thứ nhất**

**CBCT thứ hai**

**Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**  
**Năm học 2024-2025. Học kỳ 1**

Môn thi: **An toàn mạng không dây và di động**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Ngày thi: **25/05/2025** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **202.1-TA1** Mã phòng thi: 675

Tổng số thí sinh: 46 Có mặt:..... Vắng: ..... Có lý do: ..... Không lý do: .....

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	247	AT180601	Nguyễn Công	An	AT18G				
2	248	AT170704	Trần Công Vương	Anh	AT17H				
3	249	AT180503	Nguyễn Hải	Anh	AT18E				
4	250	AT180105	Nguyễn Việt	Anh	AT18A				
5	251	AT180306	Nguyễn Thanh	Bình	AT18C				
6	252	AT180107	Đào Hữu	Châu	AT18A				
7	253	AT180307	Phạm Bình	Chương	AT18C				
8	254	AT180313	Lê Đại	Dương	AT18C				
9	255	AT160311	Nguyễn Danh	Dương	AT16C				
10	256	AT170108	Trần Ngọc	Đại	AT17A				
11	257	AT180510	Đàm Văn	Đức	AT18E				
12	258	AT180311	Nguyễn Lê Quang	Đức	AT18C				
13	259	AT180511	Phạm Minh	Đức	AT18E				Nợ lệ phí
14	260	AT180411	Phạm Minh	Đức	AT18D				
15	261	AT180215	Hoàng Hà	Giang	AT18B				
16	262	AT180120	Đình Tiên	Hoàng	AT18A				
17	263	AT180418	Nguyễn Huy	Hoàng	AT18D				
18	264	AT180420	Chu Việt	Hùng	AT18D				
19	265	AT180221	Nguyễn Minh	Hùng	AT18B				
20	266	AT180222	Nguyễn Hữu	Huy	AT18B				
21	267	AT180122	Trần Quang	Huy	AT18A				
22	268	AT170721	Nguyễn Văn	Hung	AT17H				
23	269	AT180124	Phạm Văn	Khanh	AT18A				
24	270	AT180425	Đặng Lê Quốc	Khánh	AT18D				
25	271	AT180227	Nguyễn Đình	Khiêm	AT18B				
26	272	AT180428	Đỗ Ngọc	Linh	AT18D				
27	273	AT180430	Hoàng Đức	Long	AT18D				
28	274	AT180131	Trần Văn	Long	AT18A				
29	275	AT180233	Nguyễn Tuấn	Mạnh	AT18B				
30	276	AT180135	Lê Hoàng	Minh	AT18A				
31	277	AT170731	Trần Hoài	Nam	AT17H				Nợ lệ phí
32	278	AT180335	Nguyễn Lương	Nghĩa	AT18C				
33	279	AT180138	Nguyễn Đức	Phong	AT18A				
34	280	AT180438	Ngô Kim Hoàng	Phúc	AT18D				
35	281	AT180439	Hoàng Hà	Phương	AT18D				
36	282	AT180639	Nguyễn Hoàng	Quân	AT18G				
37	283	AT180341	Hoàng Tuyển	Quyền	AT18C				
38	284	AT160249	Nguyễn Đình	Son	AT16B				
39	285	AT180643	Nguyễn Công	Thành	AT18G				

40	286	AT180244	Nguyễn Xuân	Thành	AT18B				
41	287	AT150349	Vũ Duy	Thành	AT15C				
42	288	AT180145	Phạm Bùi Anh	Thế	AT18A				
43	289	AT180444	Nguyễn Thị Thu	Thủy	AT18D				
44	290	AT180545	Nguyễn Văn	Tiện	AT18E				
45	291	AT180644	Trần Quang	Toả	AT18G				
46	292	AT180247	Vi Thanh	Trí	AT18B				

Tổng số bài thi: .....

Tổng số tờ giấy thi: .....

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20....*

**CBCT thứ nhất**

**CBCT thứ hai**

**Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**  
**Năm học 2024-2025. Học kỳ 1**

Môn thi: **Pháp luật đại cương**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Ngày thi: **25/05/2025** Giờ thi: **15:00** Phòng thi: **102.1-TA1** Mã phòng thi: 676

Tổng số thí sinh: 47 Có mặt:..... Vắng: ..... Có lý do: ..... Không lý do: .....

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	100	AT180101	Đỗ Năng	An	AT18A				
2	101	CT080101	Hoàng Hoàng	An	CT8A				
3	102	CT080104	Bùi Tuấn	Anh	CT8A				
4	103	AT200302	Lê Việt	Anh	AT20C				
5	104	AT200201	Nguyễn Văn Hải	Anh	AT20B				
6	105	DT070201	Trần Thị Lan	Anh	DT7B				
7	106	AT200205	Lê Tiến	Bảo	AT20B				Nợ lệ phí
8	107	AT200207	Ngô Đình	Chính	AT20B				
9	108	AT200216	Trần Quang	Dũng	AT20B				Nợ lệ phí
10	109	AT200215	Vương Tiến	Dũng	AT20B				
11	110	AT200118	Phạm Anh	Duy	AT20A				
12	111	AT200415	Hoàng Hải	Dương	AT20D				
13	112	DT070208	Lê Tiến	Đạt	DT7B				
14	113	AT200213	Nguyễn Hùng	Đông	AT20B				
15	114	CT080112	Vũ Thành	Đông	CT8A				
16	115	AT190518	Hoàng Bá	Giáp	AT19E				
17	116	CT040220	Phạm Huy	Hiếu	CT4B				
18	117	CT080123	Đình Huy	Hoàng	CT8A				
19	118	AT200224	Bùi Khắc	Hùng	AT20B				
20	119	DT070221	Nguyễn Mạnh	Hùng	DT7B				
21	120	DT060127	Nguyễn Văn	Huy	DT6A				
22	121	AT200227	Trần Nhật	Huy	AT20B				Nợ lệ phí
23	122	CT080126	Trương Công	Huy	CT8A				
24	123	AT200125	Tổng Ngọc	Hung	AT20A				
25	124	AT200229	Lê Tuấn	Khải	AT20B				
26	125	AT180124	Phạm Văn	Khanh	AT18A				
27	126	AT200230	Trịnh Ngọc	Khánh	AT20B				
28	127	DT060132	Nguyễn Đắc	Khiêm	DT6A				
29	128	DT070129	Nguyễn Chung	Kiên	DT7A				
30	129	DT070227	Nguyễn Trung	Kiên	DT7B				
31	130	AT200132	Phạm Lê Trung	Kiên	AT20A				
32	131	AT200235	Lưu Quang	Lộc	AT20B				
33	132	AT200439	Lê Văn	Minh	AT20D				
34	133	CT080239	Trần Đức	Nam	CT8B				
35	134	CT080144	Lò An	Nguyên	CT8A				
36	135	CT080153	Đỗ Văn	Quang	CT8A				
37	136	CT060133	Nguyễn Xuân	Quý	CT6A				
38	137	DT070139	Nguyễn Xuân	Tài	DT7A				
39	138	DT070244	Nguyễn Trọng	Thi	DT7B				

40	139	AT200455	Lê Khánh	Thụy	AT20D				
41	140	DT070246	Hoàng Văn	Trọng	DT7B				
42	141	CT080158	Vũ Đăng	Trung	CT8A				
43	142	CT080258	Nguyễn Đình	Trường	CT8B				
44	143	AT200362	Trần Văn	Trường	AT20C				
45	144	CT070258	Phạm Bá	Tú	CT7B				
46	145	AT200261	Tô Minh	Tú	AT20B				
47	146	CT080164	Phạm Ngọc	Tuyền	CT8A				

Tổng số bài thi: .....

Tổng số tờ giấy thi: .....

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20....*

**CBCT thứ nhất**

**CBCT thứ hai**

**Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**  
**Năm học 2024-2025. Học kỳ 1**

Môn thi: **Pháp luật đại cương**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Ngày thi: **25/05/2025** Giờ thi: **15:00** Phòng thi: **202.1-TA1** Mã phòng thi: 677

Tổng số thí sinh: 46 Có mặt:..... Vắng: ..... Có lý do: ..... Không lý do: .....

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	147	AT180401	Nguyễn Văn	An	AT18D				
2	148	AT200204	Lê Trần Phương	Anh	AT20B				
3	149	CT080203	Nguyễn Đức	Anh	CT8B				
4	150	CT080215	Vũ Trần Quang	Duy	CT8B				Nợ lệ phí
5	151	AT200315	Phạm Lâm	Dương	AT20C				
6	152	AT200109	Nguyễn Văn	Đáp	AT20A				
7	153	AT200309	Đỗ Tiến	Đạt	AT20C				
8	154	AT200413	Hoàng Minh	Đức	AT20D				
9	155	AT200417	Hà Minh	Hải	AT20D				
10	156	DT070213	Nguyễn Sơn	Hải	DT7B				
11	157	DT070215	Nguyễn Văn	Hào	DT7B				
12	158	AT180219	Nguyễn Minh	Hiếu	AT18B				
13	159	AT200121	Nguyễn Minh	Hiếu	AT20A				
14	160	CT080219	Vũ Đình	Hiếu	CT8B				
15	161	DT070119	Ngô Trường	Hoàng	DT7A				
16	162	DT070219	Nguyễn Việt	Hoàng	DT7B				
17	163	CT080122	Phạm Xuân	Hoàng	CT8A				
18	164	AT200324	Hoàng Đình Phi	Hùng	AT20C				
19	165	AT200326	Bùi Quang	Huy	AT20C				
20	166	AT200426	Hoàng Quang	Huy	AT20D				
21	167	CT080231	Ngô Nam	Huy	CT8B				Nợ lệ phí
22	168	AT200427	Trần Quang	Huy	AT20D				
23	169	DT070223	Phạm Quang	Khải	DT7B				
24	170	AT200329	Đình Quốc	Khánh	AT20C				
25	171	DT070225	Nghiêm Quang	Khánh	DT7B				
26	172	AT200236	Nguyễn Hoàng	Long	AT20B				
27	173	AT200237	Bùi Văn	Mạnh	AT20B				Nợ lệ phí
28	174	AT190332	Nguyễn Quý	Mạnh	AT19C				
29	175	AT200238	Dương Nhật	Minh	AT20B				
30	176	AT200340	Nông Hồng	Minh	AT20C				
31	177	CT080141	Nguyễn Hoàng	Nam	CT8A				
32	178	AT190436	Đỗ Lương	Nguyên	AT19D				
33	179	CT080244	Nguyễn Văn	Quang	CT8B				
34	180	AT200249	Phạm Văn	Quý	AT20B				
35	181	DT070135	Phùng Văn	Quyền	DT7A				
36	182	DT070138	Bùi Đức	Sơn	DT7A				
37	183	CT080251	Đỗ Văn	Thành	CT8B				
38	184	CT080253	Nguyễn Gia	Thiều	CT8B				Nợ lệ phí
39	185	DT070143	Phạm Quang	Thông	DT7A				

40	186	AT200158	Nguyễn Việt	Toàn	AT20A				
41	187	AT200363	Bùi Quốc	Tuấn	AT20C				
42	188	CT080162	Nông Minh	Tuấn	CT8A				
43	189	AT200463	Tô Văn	Tuấn	AT20D				
44	190	AT200164	Vũ Đức Thái	Tuệ	AT20A				
45	191	AT200165	Đỗ Đình	Tùng	AT20A				
46	192	DT070249	Trịnh Văn	Tùng	DT7B				

Tổng số bài thi: .....

Tổng số tờ giấy thi: .....

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20....*

**CBCT thứ nhất**

**CBCT thứ hai**

**Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT**

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI  
Năm học 2024-2025. Học kỳ 1

Môn thi: **Hệ quản trị cơ sở dữ liệu**

Lần thi: 2

Hình thức thi: Trắc nghiệm (máy)

Thời gian làm bài: 50 (phút)

Ngày thi: **25/05/2025** Giờ thi: **15:00** Phòng thi: **201-TA1** Mã phòng thi: 678

Tổng số thí sinh: 14 Có mặt:..... Vắng: ..... Có lý do: ..... Không lý do: .....

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Mã đề	Điểm	Ký tên	Ghi chú
1	200	AT190402	Nguyễn Đức	Anh	AT19D				
2	201	AT190315	Bùi Văn	Dương	AT19C				
3	202	AT160311	Nguyễn Danh	Dương	AT16C				
4	203	AT190320	Nguyễn Thị	Hiệp	AT19C				Nợ lệ phí
5	204	AT190420	Bùi Minh	Hiếu	AT19D				Nợ lệ phí
6	205	CT070322	Phạm Văn	Hùng	CT7C				
7	206	AT190132	Nguyễn Văn	Lý	AT19A				
8	207	AT190534	Nguyễn Huy Hải	Minh	AT19E				
9	208	AT190142	Nguyễn Văn	Quang	AT19A				
10	209	CT070342	Hà Anh	Quân	CT7C				
11	210	AT190245	Vũ Hồng	Son	AT19B				
12	211	CT070352	Trần Hoàng	Thụ	CT7C				
13	212	AT190558	Nguyễn Vũ Thành	Việt	AT19E				
14	213	AT190158	Phan Văn Hoàng	Việt	AT19A				Nợ lệ phí

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20....

CBCT thứ nhất

CBCT thứ hai

Đại diện Phòng KT&ĐBCLĐT